ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC VÀ KỸ THUẬT CỦA NAM VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI TUYỂN TRẺ CẦU LÔNG LỨA TUỔI U17 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SAU 1 NĂM TẬP LUYỆN

EVALUATING THE PHYSICAL AND TECHNICAL DEVELOPMENT OF MALE ATHLETES OF THE U17 BADMINTON TEAM IN HO CHI MINH CITY AFTER 1 YEAR OF TRAINING

TÓM TẮT: Kết quả nghiên cứu đánh giá sự phát triển trình độ thể lực và kỹ thuật của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh sau 1 năm tập luyện cho thấy: Các chỉ tiêu thể lực chung tăng trưởng từ 2.73% - 5.47% và có 4/4 test tăng trưởng có sự khác biệt rõ rệt ở ngưỡng xác suất p<0.05. Các test thể lực chuyên môn tăng trưởng từ 1.96% - 7.47% và có 4/4 test tăng trưởng có sự khác biệt rõ rệt ở ngưỡng xác suất từ p<0.05. Các test kỹ thuật tăng trưởng từ 5.1% - 14.29% và có 9/9 test tăng trưởng có sự khác biệt rõ rệt ở ngưỡng xác suất p<0.05. Từ đó cho thấy sự tăng trưởng của các test về kỹ thuật là cao hơn so với các test về thể lực chung và thể lực chuyên môn. Điều này bước đầu đã cho thấy hiệu quả của quá trình tập luyện cũng như kế hoạch huấn luyện của đội tuyển trẻ, phù hợp với quy luật phát triển lứa tuổi.

TỪ KHÓA: Đánh giá, trình độ thể lực, kỹ thuật, nam vận động viên, đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17, Thành phố Hồ Chí Minh, sau 1 năm tập luyện.

ABSTRACT: Research results evaluating the development of physical and technical skills of male athletes of the U17 badminton team in Ho Chi Minh City after 1 year of training showed: General physical fitness indicators increased from 2.73% - 5.47% and 4/4 growth tests had a clear difference at the probability threshold of p<0.05. Professional physical fitness tests increased from 1.96% - 7.47% and 4/4 growth tests had clear differences at a probability threshold of p<0.05. The technical tests grew from 5.1% - 14.29% and 9/9 growth tests had a clear difference at the probability threshold of p<0.05. From there, it shows that the growth of technical tests is higher than that of general and professional physical fitness tests. This initially showed the effectiveness of the training process as well as the team's training plan, in accordance with the rules of age development.

KEYWORDS: Evaluating, the physical and technical development, male athletes of the U17 badminton team in Ho Chi Minh city, after 1 year of training.

NGUYỄN THIÊN LỘC
Đội tuyển cầu lông Thành phố Hồ Chí Minh
LƯƠNG THÀNH TÀI
NGUYỄN TRƯƠNG THÚY QUỲNH
PHẠM THỊ PHƯƠNG LOAN
NGUYỄN NGỌC TUẤN
Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

NGUYEN THIEN LOC
Badminton team in Ho Chi Minh city
LUONG THANH TAI
NGUYEN TRUONG THUY QUYNH
PHAM THI PHUONG LOAN
NGUYEN NGOC TUAN
University of Sport Ho Chi Minh city

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cầu lông là môn thể thao mang tính quần chúng rộng rãi được nhiều người yêu thích tham gia tập luyện và thi đấu. Ở nước ta hiện nay cầu lông đang trở thành môn thể thao mũi nhọn được nhà nước ta đầu tư đào tạo vận động viên thành tích cao, đội tuyển cầu lông Việt Nam đã từng bước khẳng định và giành được những tấm huy chương quý giá đem lại vinh quang cho tổ quốc và nền thể thao Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những địa phương đứng đầu cả nước về phong trào TDTT. Ở giải cầu lông các cây vợt xuất sắc quốc gia năm 2022, nội dung đôi nam, Thành phố Hồ Chí Minh chỉ giành huy chương đồng, xếp sau Hà Nội (huy chương vàng) và Lâm Đồng (huy chương bạc). Từ kết quả trên cho thấy điều trăn trở lớn nhất của cầu lông Thành phố Hồ Chí Minh là vẫn chưa tìm ra thế hệ nam vận động

BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM TRA THỂ LỰC CHUNG CỦA NAM VẬN ĐỘNG VIÊN BAN ĐẦU VÀ SAU 1 NĂM TẬP LUYỆN

TT	TEST	LẦN 1		LẦN 2		|W%|	|t|	P
		$\overline{x}_1$	Cv%	$\overline{x}_2$	Cv%			
1	Chạy 30m XPC (s)	4.45±0.22	4.94	4.33±0.21	4.85	2.73	7.041	<0.05
2	Chạy 5 phút tùy sức (m)	1125.71±85.61	7.6	1187.14±60.63	5.11	5.31	4.359	<0.05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	232.14±11.85	5.1	240.71±10.78	4.48	3.62	7.071	<0.05
4	Bật cao tại chỗ (cm)	55.86±8.3	14.86	59±5.72	9.69	5.47	2.976	<0.05

viên kế cận đủ trình độ cao. Với niềm hy vọng sẽ tìm được những vận động viên cầu lông vươn tầm ra thế giới. Nên hơn lúc nào hết, việc đánh giá sự phát triển trình độ thể lực và kỹ thuật của nam vận động viên cầu lông đội tuyển trẻ là hết sức cần thiết.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu gồm: Phương pháp đọc, tổng hợp và phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp kiểm tra sư phạm và phương pháp toán học thống kê.

Khách thể nghiên cứu:

Khách thể kiểm tra sư phạm gồm 07 nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Đánh giá sự phát triển về thể lực chung của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh

Nghiên cứu tiến hành lựa chọn sử dụng 4 test thể lực chung để kiểm tra về thực trạng ban đầu cũng như sau 1 năm tập luyện về thể lực chung của khách thể nghiên cứu. Kết quả các test kiểm tra được trình bày ở bảng 1.

Qua kết quả kiểm tra về thể lực chung ban đầu và sau 1 năm tập luyện được thể hiện ở bảng 1 cho thấy:

Chạy 30m XPC (s): Giá trị trung bình về Chạy 30m XPC của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=4.45±0.22, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=4.33±0.21, với $|t|_{tính}$=7.041 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=2.73%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Chạy 5 phút tùy sức (m): Giá trị trung bình về Chạy 5 phút tùy sức của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=1125.71±85.61, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=1187.14±60.63, với $|t|_{tính}$=4.359 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=5.31%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Bật xa tại chỗ (cm): Giá trị trung bình Bật xa tại chỗ của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=232.14±11.85, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=240.71±10.78, với $|t|_{tính}$=7.071 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=3.62%. Qua đó cho thấy nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Bật cao tại chỗ (cm): Giá trị trung bình về Bật cao tại chỗ của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=55.86±8.3, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=59±5.72, với $|t|_{tính}$=2.976 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=5.47%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Nhận xét: Từ những kết quả trên cho thấy, ở lần kiểm tra ban đầu và sau 1 năm tập luyện hầu hết các test về thể lực chung luôn ở mức đồng đều không có sự phân tán trong cá thể nghiên cứu (Cv% <10), test Bật cao tại chỗ ban đầu có Cv%=14.86 > 10% cho thấy ban đầu ở test này có sự phân tán trong cá thể nghiên cứu. Về nhịp tăng tưởng của các test về thể lực chung của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh đều có sự tăng trưởng sau một năm tập luyện. Trong đó, test về Bật cao tại chỗ (cm) có chỉ số tăng trưởng cao nhất với |W%|=5.47% và test tăng trưởng thấp nhất là Chạy 30m

BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM TRA VỀ THỂ LỰC CHUYÊN MÔN CỦA NAM VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI TUYỂN TRẺ CẦU LÔNG LỨA TUỔI U17 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BAN ĐẦU VÀ SAU 1 NĂM TẬP LUYỆN.

TT	TEST	LẦN 1		LẦN 2		|W%|	|t|	P
		$\overline{x}_1$	Cv%	$\overline{x}_2$	Cv%			
1	Di chuyển 4 góc sân đơn 10 lần (s)	7.72±0.24	3.11	7.57±0.22	2.91	1.96	8.954	<0.05
2	Di chuyển ngang sân đơn 1 phút (lần)	24.57±1.62	6.59	25.57±1.62	6.34	3.99	4.583	<0.05
3	Di chuyển tiến lùi 1 phút (lần)	18.43±1.27	6.89	19.86±1.07	5.39	7.47	7.071	<0.05
4	Ném quả cầu xa (m)	7.63±0.39	5.11	8.00±0.37	4.63	4.73	12.663	<0.05

XPC (s) với |W%|=2.73%. Điều đó cho thấy trình độ thể lực chung của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh đã được nâng lên đáng kể sau một năm tập luyện.

2.2. Đánh giá sự phát triển về thể lực chuyên môn của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh

Để tiến hành đánh giá sự phát triển về thể lực chuyên môn của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu tiến hành lựa chọn sử dụng 4 test thể lực chuyên môn để kiểm tra đánh giá về thực trạng ban đầu cũng như sau 1 năm tập luyện của khách thể nghiên cứu.

Qua kết quả kiểm tra về thể lực chuyên môn trước và sau 1 năm tập luyện được thể hiện ở bảng 2 cho thấy:

Di chuyển 4 góc sân đơn 10 lần (s): Giá trị trung bình về Di chuyển 4 góc sân đơn 10 lần của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_{1=}$7.72±0.24, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=7.57±0.22, với $|t|_{tính}$=8.954> $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=1.96%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Di chuyển ngang sân đơn 1 phút (lần): Giá trị trung bình về Di chuyển ngang sân đơn 1 phút của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=24.57±1.62, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=25.57±1.62, với $|t|_{tính}$=4.583> $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=3.99%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Di chuyển tiến lùi 1 phút (lần): Giá trị trung bình Di chuyển tiến lùi 1 phút của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=18.43±1.27, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=19.86±1.07, với $|t|_{tính}$=7.071> $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=7.47%. Qua đó cho thấy nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Ném quả cầu xa (m): Giá trị trung bình về Ném quả cầu xa của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=7.63±0.39, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=8.00±0.37, với $|t|_{tính}$=12.663 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=4.73%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Nhận xét: Từ những kết quả trên cho thấy, ở lần kiểm tra ban đầu và sau 1 năm tập luyện thành tích trung bình của vận động viên ở mức tương đối đồng đều, tất cả các test luôn có Cv% <10 chứng tỏ không có sự phân tán trong cá thể nghiên cứu. Nhịp tăng tưởng của các chỉ tiêu về thể lực chuyên môn của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh đều có sự tăng trưởng sau một năm tập luyện. Trong đó, test chạy Di chuyển tiến lùi 1 phút (lần) có chỉ số tăng trưởng cao nhất với |W%|=7.47% và test có chỉ số tăng trưởng thấp nhất là test Di chuyển 4 góc sân đơn 10 lần (s) với |W%|=1.96%. Điều đó cho thấy trình độ thể lực chuyên môn của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh đã được nâng lên đáng kể sau một

năm tập luyện.

2.3. Đánh giá sự phát triển về kỹ thuật của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh

Kỹ thuật là một thành tố quan trọng trong cấu trúc thành tích ở môn cầu lông. Để tiến hành đánh giá sự phát triển về kỹ thuật của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu tiến hành lựa chọn sử dụng 09 test để kiểm tra đánh giá về thực trạng ban đầu cũng như sau 1 năm tập luyện về kỹ thuật của đối tượng nghiên cứu.

Qua kết quả kiểm tra về kỹ thuật ban đầu và sau 1 năm tập luyện được thể hiện ở bảng 3 cho thấy:

Giao cầu thấp gần trái tay ô 0,3m x 2,61m 20 quả (số quả): Giá trị trung bình về Giao cầu thấp gần trái tay ô 0,3m x 2,61m 20 quả của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=14.86±0.69, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=16.14±1.21, với $|t|_{tính}$=4.500 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=8.26%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Đánh cầu cao sâu đường thẳng ô 1m x 1m 20 quả (số quả): Giá trị trung bình về Đánh cầu cao sâu đường thẳng ô 1m x 1m 20 quả của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=14.29±2.75, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=15.86±1.57, với $|t|_{tính}$=2.569 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=10.41%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Đánh cầu cao sâu đường chéo 1m x 1m 20 quả (số quả): Giá trị trung bình Đánh cầu cao sâu đường chéo 1m x 1m 20 quả của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=14.86±1.21, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=16.29±0.95, với $|t|_{tính}$=4.804 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=9.18%. Qua đó cho thấy nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Đập cầu đường thẳng ô 1m x 4,72m 20 quả (số quả): Giá trị trung bình về Đập cầu đường thẳng ô 1m x 4,72m 20 quả của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=16.14±2.41, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=17.43±1.51, với $|t|_{tính}$=3.057 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=7.69%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Đập cầu đường chéo 1m x 4,72m 20 quả (số quả): Giá trị trung bình về Đập cầu đường chéo ô 1m x 4,72m 20 quả của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_{1=}$15.00±2.65, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=16.43±1.72, với $|t|_{tính}$=3.333 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=9.1%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Chặt cầu đường thẳng ô 1m x 2,61m 20 quả (số quả): Giá trị trung bình về Chặt cầu đường thẳng ô 1m x 2,61m 20 quả của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=13.00±1.83, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=15.00±0.82, với $|t|_{tính}$=3.464 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=14.29%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Chặt cầu đường chéo ô 1m x 2,61m 20 quả (số quả): Giá trị trung bình về Chặt cầu đường chéo ô 1m x 2,61m 20 quả của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_{1=}$13.43±1.9, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=15.43±0.98, với $|t|_{tính}$=4.099 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=13.86%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Tạt cầu đường thẳng ô 1m x 4,72m 20 quả (số quả): Giá trị trung bình về Tạt cầu đường thẳng ô 1m x 4,72m 20 quả của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=16.43±2.82, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=17.29±2.06, với $|t|_{tính}$=2.521 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%|=5.1%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

BẢNG 3: KẾT QUẢ KIỂM TRA VỀ KỸ THUẬT CỦA NAM VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI TUYỂN TRẺ CẦU LÔNG LỨA TUỔI U17 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BAN ĐẦU VÀ SAU 1 NĂM TẬP LUYỆN

TT	TEST	LẦN 1		LẦN 2		|W%|	|t|	P
		$\overline{x}_1$	Cv%	$\overline{x}_2$	Cv%			
1	Giao cầu thấp gần trái tay ô 0,3m x 2,61m 20 quả (số quả)	14.86±0.69	4.64	16.14±1.21	7.5	8.26	4.500	<0.05
2	Đánh cầu cao sâu đường thẳng ô 1m x 1m 20 quả (số quả)	14.29±2.75	19.24	15.86±1.57	9.9	10.41	2.569	<0.05
3	Đánh cầu cao sâu đường chéo 1m x 1m 20 quả (số quả)	14.86±1.21	8.14	16.29±0.95	5.83	9.18	4.804	<0.05
4	Đập cầu đường thẳng ô 1m x 4,72m 20 quả (số quả)	16.14±2.41	14.93	17.43±1.51	8.66	7.69	3.057	<0.05
5	Đập cầu đường chéo 1m x 4,72m 20 quả (số quả)	15.00±2.65	17.67	16.43±1.72	10.47	9.1	3.333	<0.05
6	Chặt cầu đường thẳng ô 1m x 2,61m 20 quả (số quả)	13.00±1.83	14.08	15.00±0.82	5.47	14.29	3.464	<0.05
7	Chặt cầu đường chéo ô 1m x 2,61m 20 quả (số quả)	13.43±1.9	14.15	15.43±0.98	6.35	13.86	4.099	<0.05
8	Tạt cầu đường thẳng ô 1m x 4,72m 20 quả (số quả)	16.43±2.82	17.16	17.29±2.06	11.91	5.1	2.521	<0.05
9	Vê cầu (bỏ nhỏ) ô 0,5m x 0,5m 20 quả (số quả)	15.00±2.94	19.6	16.43±1.99	12.11	9.1	3.333	<0.05

Vê cầu (bỏ nhỏ) ô 0,5m x 0,5m 20 quả (số quả): Giá trị trung bình về Vê cầu (bỏ nhỏ) ô 0,5m x 0,5m 20 quả của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh ở lần kiểm tra thứ nhất có $\overline{x}_1$=15.00±2.94, lần kiểm tra thứ hai $\overline{x}_2$=16.43±1.99, với $|t|_{tính}$=3.333 > $t_{bảng}$=1.943, nhịp tăng trưởng |W%| =9.1%. Qua đó cho thấy, nhịp tăng trưởng có sự khác biệt về mặt thống kê ở ngưỡng xác suất P<0.05.

Nhận xét: Qua kết quả kiểm tra ta thấy ở lần kiểm tra ban đầu và sau 1 năm tập luyện đa phần các test kiểm tra đều có Cv% >10% điều này cho thấy trình độ của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông ở mức không đồng đều có sự phân tán trong cá thể nghiên cứu. Ngoại trừ 2 test Giao cầu thấp gần trái tay ô 0,3m x 2,61m 20 quả (số quả), Đánh cầu cao sâu đường chéo 1m x 1m 20 quả (số quả) thành tích của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông có sự đồng điều không có sự phân tán trong cá thể nghiên cứu (CV<10%). Nhịp tăng tưởng của các test của đều có sự tăng trưởng sau một năm tập luyện. Test có nhịp tăng trưởng tăng cao nhất là test Chặt cầu đường thẳng ô 1m x 2,61m 20 quả (số quả) với |W%|=14.29%, thấp nhất là test Tạt cầu đường thẳng ô 1m x 4,72m 20 quả (số quả) với |W%|=5.1%. Điều đó cho thấy trình độ kỹ thuật của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh đã được nâng lên đáng kể thông qua kế hoạch huấn luyện của đội tuyển trẻ cầu lông.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đánh giá sự phát triển trình độ thể lực và kỹ thuật của nam vận động viên đội tuyển trẻ cầu lông lứa tuổi U17 Thành phố Hồ Chí Minh sau 1 năm tập luyện cho thấy: Các chỉ tiêu thể lực chung tăng trưởng từ 2.73% - 5.47% và có 4/4 test tăng trưởng có sự khác biệt rõ rệt ở ngưỡng xác suất từ P<0.05. Các test thể lực chuyên môn tăng trưởng từ 1.96% - 7.47% và có 4/4 test tăng trưởng có sự khác biệt rõ rệt ở ngưỡng xác suất từ P<0.05. Các test kỹ thuật tăng trưởng từ 5.1% - 14.29% và có 9/9 test tăng trưởng có sự khác biệt rõ rệt ở ngưỡng xác suất từ P<0.05.

Từ kết quả trên, có thể nhận thấy mức độ phát triển kỹ thuật của vận động viên cao hơn so với thể lực chung và thể lực

chuyên môn. Điều này chứng tỏ quá trình huấn luyện đã có hiệu quả tích cực, giúp nâng cao trình độ của các vận động viên. Bên cạnh đó, chương trình tập luyện của đội tuyển trẻ cầu lông Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy luật phát triển thể chất và kỹ năng của lứa tuổi U17, góp phần quan trọng trong việc đào tạo thế hệ vận động viên kế cận.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, để tiếp tục nâng cao thành tích của các vận động viên, cần có những điều chỉnh và bổ sung hợp lý vào chương trình huấn luyện, đặc biệt là tập trung vào phát triển thể lực chuyên môn song song với kỹ thuật để đảm bảo sự phát triển toàn diện. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 20/01/2025, ngày phản biện đánh giá: 23/01/2025, ngày chấp nhận đăng: 13/02/2025).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gunalan D.P (2001), *Tài liệu hướng dẫn huấn luyện viên cầu lông 2001,* Bài giảng lớp bồi dưỡng Huấn luyện viên Cầu lông, Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia 3, Đà Nẵng.
2. Bành Mỹ Lệ, Hậu Chính Khánh (2000), *Cầu Lông,* Nhà xuất bản Thể dục thể thao, Hà Nội.
3. Lê Hồng Sơn (2006), *Nghiên cứu ứng dụng hệ thống các bài tập nhằm phát triển thể lực chuyên môn cho nam vận động viên cầu lông lứa tuổi 16-18,* Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Thể dục thể thao.
4. Lương Thành Tài (2021), *Nghiên cứu xây dựng mô hình nữ vận động viên cầu lông cấp cao Việt Nam, Luận án Tiến sĩ giáo dục học,* Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Lâm Quang Thành, Nguyễn Thành Lâm, Nguyễn Hoàng Minh Thuận (2016), *Đo lường thể thao,* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Woodwards M, Williams L (2017), *Badminton Coach Education, Coaches' Manual Level-1,* Kuala Lumpur: Malaysia: Badminton World Federation.